

Số: 132/QĐ-UBND

Na Mao, ngày 03 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán Ngân sách xã năm 2022
của Ủy ban nhân dân xã Na Mao

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NA MAO

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và
luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;
Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ- CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính
Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 14/07/2023 của Hội đồng nhân
dân xã Na Mao về việc phê chuẩn Quyết toán thu, chi ngân sách xã Na Mao năm
2022.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của xã Na Mao
(Theo các biểu 116,117,118,119,120/CK TC – NSNN và thuyết minh quyết toán
ngân sách xã năm 2022 kèm theo quyết định này).

Điều 2: Dán niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, trên hệ thống loa truyền
thanh, thông qua trường xóm, thông qua trang thông tin điện tử của xã, Quyết định
này có hiệu từ kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính xã tổ chức thực hiện
quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- Cơ quan của các đoàn thể xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: Văn phòng UBND, Bộ phận tài chính.

CHỦ TỊCH

Bé Văn San

THUYẾT MINH
Tình hình thực hiện quyết toán thu chi ngân sách năm 2022 được
HĐND xã phê chuẩn

Căn cứ luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: 8118/QĐ-UBND của UBND huyện Đại Từ ngày 23/12/2021 về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 Huyện Đại Từ;

Căn cứ nghị quyết số 18/NQ – HĐND ngày 10/01/2022 của HĐND xã Na Mao tại kỳ họp thứ 5 khóa XX nhiệm kỳ 2021-2026, về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách xã năm 2022;

UBND xã Na Mao thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách năm 2022 được HĐND xã phê chuẩn như sau:

1. Thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách năm 2022: 17.088.563.804 đồng. Trong đó:

- Thu cân đối: 67.293.006 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 16.707.443.612 đồng
 - + Trợ cấp cân đối: 4.208.650.000 đồng
 - + Trợ cấp có mục tiêu ngoài KH: 12.498.793.612 đồng
- Thu kết dư năm trước chuyển sang: 40.783.515 đồng.
- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang 2473.043.671 đồng

2. Chi ngân sách.

Tổng Chi ngân sách năm 2022: 16.018.364.132 đồng trong đó:

- Chi thường xuyên: 5.272.118.751 đồng
- Chi đầu tư XD CB 7.736.437.150 đồng
- Chi chuyển nguồn 2022 sang 2023 3.009.808.231 đồng

3. Kết dư ngân sách

1.070.199.672 đồng

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	17.088.563.804	TỔNG SỐ CHI	16.018.364.132
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	45.327.000	I. Chi đầu tư phát triển	7.736.437.150
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	21.966.006	II. Chi thường xuyên	5.272.118.751
III. Thu bổ sung	16.707.443.612	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	3.009.808.231
- Bổ sung cân đối	4.208.650.000		
- Bổ sung có mục tiêu	12.498.793.612		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	40.783.515	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. ghi thu ghi chi	0		
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	273.043.671		
Kết dư ngân sách	1.070.199.672		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị:
đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	4.395.546.000	4.395.546.000	17.107.177.013	17.088.563.804	388,77	388,77
I	Các khoản thu 100%	46.200.000	46.200.000	45.579.400	45.327.000	98,11	98,11
	Phí, lệ phí	21.200.000	21.200.000	17.577.000	17.577.000	82,91	82,91
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				0		
	Thu khác	25.000.000	25.000.000	28.002.400	27.750.000	111,00	111,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	23.800.000	23.800.000	81.110.330	21.966.006	92,29	92,29
1	Các khoản thu phân chia	23.800.000	23.800.000	81.110.330	21.966.006	92,29	92,29
	Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công	0	0				
	Thuế GTGT	4.000.000	4.000.000	5.100.000	5.100.000		
	Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	12.000.000	12.000.000	57.144.324			0,00
	Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	2.000.000	2.000.000	2.000.000		0,00	0,00
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	100,00	100,00
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	4.000.000	4.000.000	15.066.006	15.066.006		0,00
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	130.896.000	130.896.000	273.043.671	273.043.671		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				40.783.515		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.194.650.000	4.194.650.000	16.707.443.612	16.707.443.612	398,30	398,30
	- Thu bổ sung cân đối	4.194.650.000	4.194.650.000	4.208.650.000	4.208.650.000	100,33	100,33
	- Thu bổ sung có mục tiêu	0	0	12.498.793.612	12.498.793.612		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN					
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	4.395.546.000	0	4.120.844.000	16.018.364.132	7.736.437.150	8.281.926.982	364,4		201,0
	Trong đó				0					
1	Chi sự nghiệp kinh tế	31.500.000		31.500.000	0		0			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				0					
3	Chi giáo dục, y tế				159.900.000	159.900.000				
4	Chi văn hóa, thông tin	31.500.000		31.500.000	0			0,0		0,0
5	Chi phát thanh, truyền thanh				0					
6	Chi thể dục thể thao	22.500.000		22.500.000	4.355.741.000	4.355.741.000		19,359		0,0
7	Chi bảo vệ môi trường				0					
8	Chi các hoạt động kinh tế				3.363.072.687	3.220.796.150	142.276.537			
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.833.019.000		3.833.019.000	4.836.161.214		4.836.161.214	126,2		126,2
10	Chi cho công tác xã hội	202.325.000		202.325.000	206.681.000		206.681.000	102,2		102,2
11	Chi đầu tư phát triển	0		0	0					
12	Dự phòng	87.000.000		87.000.000	87.000.000		87.000.000			100,0
13	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	130.896.000			3.009.808.231		3.009.808.231			
14	Tiết kiệm chi thường xuyên	56.806.000		56.806.000	0		0			

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2022*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ khởi công đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
					Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp	Nguồn cân đối ngân sách			Nguồn đóng góp	
TỔNG SỐ		17.492.832.408	0	7.002.390.652	7.736.437.150	7.736.437.150	7.736.437.150	
1. Công trình chuyển tiếp								
Trong đó: hoàn thành quyết toán trong năm		7.189.241.759	0	2.646.649.652	3.380.696.150	3.380.696.150	3.380.696.150	
Xây mới tường rào và nâng cấp sân thể dục trường tiểu học Việt Ấn (xã Na Mao)	10/4/2020-02/3/2021	1.153.297.475		993.300.000	159.900.000	159.900.000	159.900.000	
Đường giao thông xóm Thái Hà đi xóm Trung Tâm xã Na Mao (Hai bên cầu Đồng Đa)	22/9/2021-31/5/2022	904.834.548		179.315.200	662.808.648	662.808.648	662.808.648	
ĐGTNT xã Na Mao năm 2021 (Gói 1); HM: ĐBTXM các xóm Ao Soi, Minh Thắng.	2021-2022	927.525.367		263.396.000	263.396.000	263.396.000	263.396.000	
ĐGTNT xã Na Mao năm 2021 (Gói 2); HM: ĐBTXM các xóm Thái Hà.	2021-2022	2.365.906		616.952	616.952	616.952	616.952	

:Đường giao thông liên xóm (đoạn từ xóm Minh Lợi đi nghĩa trang nhân dân) xã Na Mao	10/6/2019-12/9/2019	1.249.787.149		1.160.021.500	43.800.000	43.800.000	43.800.000	
Xây dựng kè chống sạt lở thuộc xóm Khuôn U xã Na Mao	22/9/2021-18/2/2022, phát sinh 10/9/2022 - 19/10/2022	2.951.431.314		50.000.000	2.250.174.550	2.250.174.550	2.250.174.550	
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Na Mao, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	2021-2023	272.412.341		67.000.000				
Lập quy hoạch chi tiết xây dựng Trung Tâm xã Na Mao	2021-2023	1.156.605.458		100.000.000				
2. Công trình khởi công mới		10.303.590.649	0	4.355.741.000	4.355.741.000	4.355.741.000	4.355.741.000	0
Xây mới sân thể thao xã Na Mao	04/10/2022-01/06/2023	10.303.590.649		4.355.741.000	4.355.741.000	4.355.741.000	4.355.741.000	